

TT	Trường MN	Quy mô năm học 2020-2021										Ghi chú
		Nhà trẻ		Mẫu giáo						Tổng số		
				Lớp 3 tuổi		Lớp 4 tuổi		Lớp 5 tuổi				
Số trẻ	Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	
1	MN Thị Trấn	45	2	73	2	89	3	101	3	308	10	
2	MN Hiệp Lực	73	4	62	3	61	3	110	4	306	14	
3	MN Đồng Tâm	70	2	90	3	92	4	111	4	363	13	
4	MN Vĩnh Hòa	73	4	100	4	127	4	142	4	442	16	
5	MN Ninh Thành	45	3	50	2	61	2	79	3	235	10	
6	MN Tân Hương	75	3	100	4	120	4	162	4	457	15	
7	MN Đông Xuyên	91	5	78	3	72	3	101	3	342	14	
8	MN Ninh Hải	97	4	92	4	99	3	129	4	417	15	
9	MN Hồng Dụ	108	7	90	4	106	4	131	5	435	20	
10	MN Hồng Phong	107	5	97	4	103	4	125	4	432	17	
11	MN Kiên Quốc	120	4	142	4	128	3	109	3	499	14	
12	MN Hồng Phúc	77	3	70	2	68	2	91	3	306	10	
13	MN Tân Phong	143	4	164	4	110	4	157	4	574	16	
14	MN Hưng Long	160	6	138	4	146	4	160	5	604	19	
15	MN Văn Giang	89	4	71	3	63	2	90	3	313	12	
16	MN Văn Hội	66	3	51	2	60	2	57	2	234	9	
17	MN Tân Quang	65	3	54	2	50	2	72	3	241	10	
18	MN Tân Quang II	145	5	132	4	113	4	132	4	522	17	
19	MN An Đức	70	2	62	3	68	3	64	3	264	11	
20	MN Hồng Đức	100	4	100	4	96	4	130	4	426	16	
21	MN Vạn Phúc	75	3	75	3	65	2	93	3	308	11	
22	MN Nghĩa An	120	4	105	4	155	5	180	5	560	18	
23	MN Ứng Hòa	170	8	155	5	141	5	131	4	597	22	
24	MN Quyết Thắng	50	3	38	2	56	2	80	2	224	9	
Tổng cộng		2234	95	2189	79	2249	78	2737	86	9409	338	

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Phú Tùng

Ninh Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2020

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN THÀNH VẠN

TT	Trường Tiểu học	Quy mô năm học 2020-2021												Ghi chú
		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số		
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	
1	TH Thị trấn	127	4	101	3	126	4	117	4	89	3	560	18	
2	TH Hiệp lực	111	3	100	3	125	4	93	3	117	4	546	17	
3	TH Đồng Tâm	117	3	115	3	132	4	112	3	99	3	575	16	
4	TH Vĩnh Hoà	139	4	148	4	174	5	101	3	105	3	667	19	
5	TH Ninh Thành	62	2	50	2	81	3	64	2	71	3	328	12	
6	TH Tân Hương	135	4	130	4	155	5	132	4	125	4	677	21	
7	TH Đông Xuyên	109	4	115	4	112	4	114	4	106	3	556	19	
8	TH Ninh Hải	133	4	137	4	143	4	99	3	98	3	610	18	
9	TH Hồng Dụ	150	5	137	5	152	5	139	5	129	4	707	24	
10	TH Hồng Phong	106	3	121	4	112	4	78	3	92	3	509	17	
11	TH Kiến Quốc	126	4	116	4	149	5	124	4	112	4	627	21	
12	TH Hồng Phúc	82	3	72	3	83	3	76	2	61	2	374	13	
13	TH Tân Phong	148	5	162	5	179	5	150	4	123	4	762	23	
14	TH Hưng Long	89	3	80	3	80	3	78	3	88	3	415	15	
15	TH Hưng Thái	72	3	106	3	107	3	84	3	80	3	449	15	
16	TH Văn Giang	86	3	105	3	101	3	88	3	75	3	455	15	
17	TH Văn Hội	59	2	78	3	78	3	49	2	52	2	316	12	
18	TH Tân Quang	82	3	62	2	90	3	69	3	58	2	361	13	K4: 2hs KT
19	TH Tân Quang II	140	5	108	4	144	5	110	5	96	3	598	22	
20	TH An Đức	82	3	99	3	102	3	81	2	92	3	456	14	
21	TH Hồng Đức	127	4	155	5	142	4	121	4	135	4	680	21	
22	TH Vạn Phúc	106	3	78	2	72	2	54	2	69	2	379	11	
23	TH Nghĩa An	180	6	208	6	200	6	170	5	164	5	922	28	
24	TH Ninh Hoà	50	2	43	2	38	2	37	2	27	1	195	9	
25	TH Ứng Hoè	96	3	107	4	137	4	108	4	102	3	550	18	
26	TH Quyết Thắng	55	2	78	2	72	2	59	2	64	2	328	10	
Tổng cộng		2769	90	2811	90	3086	98	2507	84	2429	79	13602	441	

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

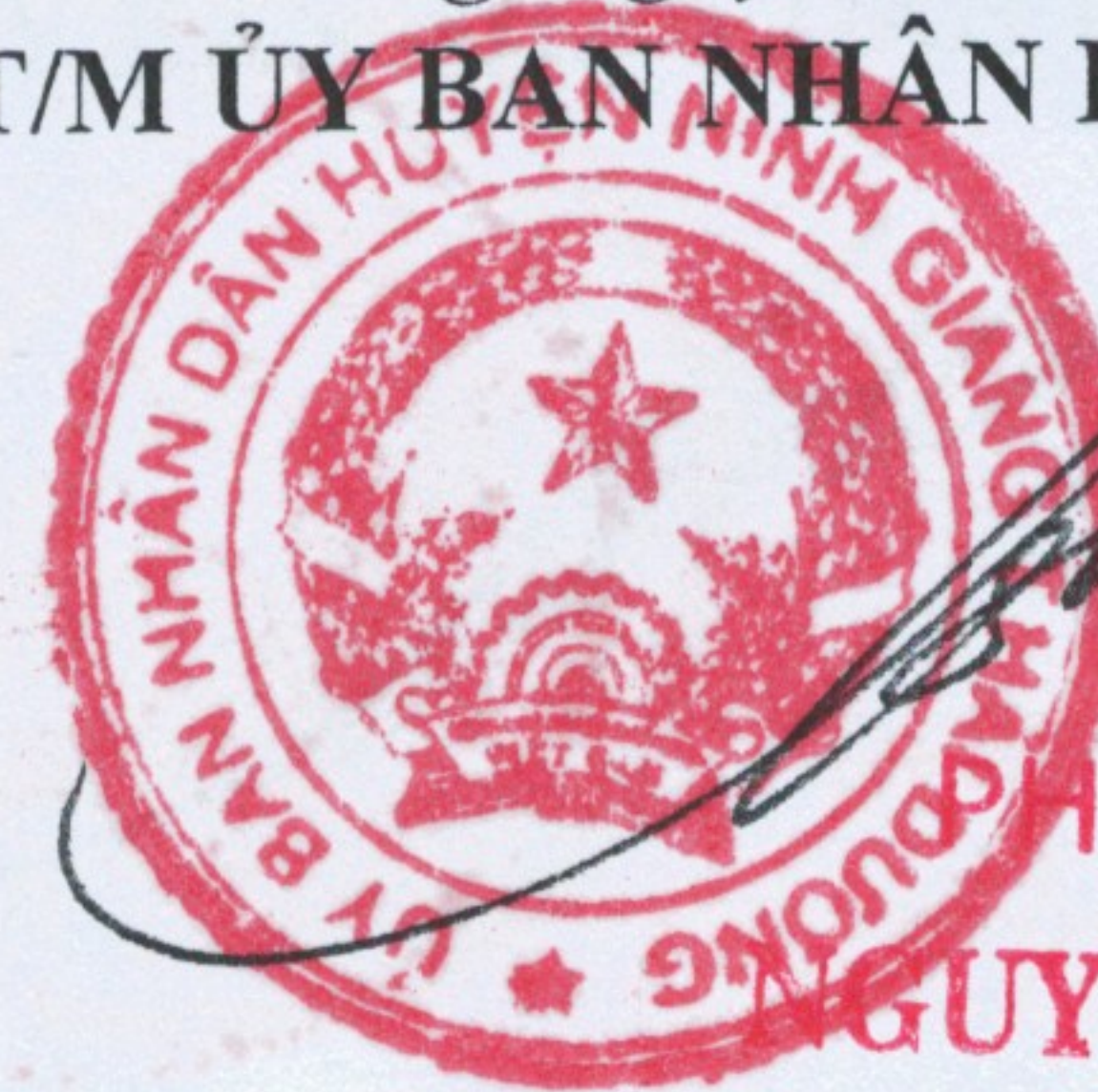
TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Phú Tùng

Ninh Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2020

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH VẠN

TT	Trường THCS	Quy mô năm học 2020-2021										Ghi chú
		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Tổng số		
		Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	
1	THCS Thị trấn	75	2	64	2	77	2	49	2	265	8	
2	THCS Hiệp lực	77	2	83	2	93	3	73	2	326	9	
3	THCS Đồng Tâm	68	2	64	2	66	2	45	2	243	8	K9: 1hs KT
4	THCS Vĩnh Hoà	97	3	102	3	91	3	66	2	356	11	
5	THCS Ninh Thành	52	2	46	2	57	2	42	2	197	8	K9: 1hs KT
6	THCS Tân Hương	121	3	111	3	109	3	111	3	452	12	
7	THCS Đông Xuyên	80	2	69	2	66	2	51	2	266	8	
8	THCS Ninh Hải	103	3	98	3	92	3	103	3	396	12	
9	THCS Hồng Dụ	112	3	118	3	117	3	81	3	428	12	
10	THCS Hồng Phong	84	2	97	3	103	3	86	2	370	10	
11	THCS Kiến Quốc	113	3	96	3	106	3	75	2	390	11	
12	THCS Hồng Phúc	76	2	55	2	64	2	47	2	242	8	
13	THCS Tân Phong	134	3	109	3	105	3	109	3	457	12	
14	THCS Hưng Long	75	2	58	2	73	2	59	2	265	8	
15	THCS Hưng Thái	62	2	76	2	68	2	56	2	262	8	
16	THCS Văn Giang	84	2	77	2	85	2	53	2	299	8	
17	THCS Văn Hội	72	2	56	2	54	2	54	2	236	8	
18	THCS Tân Quang	68	2	69	2	78	2	66	2	281	8	
19	THCS Tân Quang II	125	3	84	3	98	3	85	3	392	12	
20	THCS An Đức	72	2	62	2	59	2	62	2	255	8	
21	THCS Hồng Đức	101	3	93	3	92	3	80	2	366	11	
22	THCS Vạn Phúc	57	2	69	2	58	2	61	2	245	8	
23	THCS Nghĩa An	162	4	149	4	142	4	120	3	573	15	
24	THCS Ứng Hoà	132	4	139	4	127	4	130	4	528	16	
25	THCS Quyết Thắng	52	2	43	2	40	1	46	2	181	7	K7: 1hs KT
26	THCS Thành nhân	117	3	123	3	133	3	131	4	504	13	
Tổng cộng		2371	65	2210	66	2253	66	1941	62	8775	259	

Ninh Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2020
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Phú Tùng



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN THÀNH VẠN